

Số: 150/BC-ĐHKTCN

Thái Nguyên, ngày 28 tháng 7 năm 2014

BÁO CÁO

Tổng kết đánh giá hiện trạng sinh viên tốt nghiệp năm 2014

Chuyên ngành Tự động hóa Xí nghiệp Công nghiệp

Phần I: ĐẶT VẤN ĐỀ

Theo yêu cầu của đại học Thái Nguyên về đánh giá chương trình đào tạo, trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp đã tiến hành thành lập ban chỉ đạo và các hội đồng đánh giá sinh viên chuẩn bị tốt nghiệp ngành Tự động hóa Xí nghiệp Công nghiệp. Mục đích nhằm đánh giá chương trình đào tạo hiện có để chỉ ra những mặt ưu điểm và nhược điểm, từ đó có thể là kênh thông tin tham khảo cho việc điều chỉnh chương trình và cách thức đào tạo.

Phần II: ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

2.1. Đối tượng đánh giá

- Đối tượng đánh giá: Sinh viên K45 - tốt nghiệp ngành Tự động hóa Xí nghiệp Công nghiệp năm 2014 - Khoa Điện Trường ĐHKTCN
- Số lượng dự kiến: 50 sinh viên

2.2. Thời gian và địa điểm đánh giá

- Thời gian: Ngày 04/06/2014
- Địa điểm đánh giá: + Tin học: A6-PM1 và PM2
+ Ngoại ngữ: A10-304, A10-404
+ Chuyên môn: A9-301, A9-302

2.3. Nội dung đánh giá

- Tin học: Kiến thức cơ bản
- Ngoại ngữ: Trình độ B
- Kiến thức chuyên môn: 20 chủ đề

2.4. Hội đồng đánh giá

- Ban chỉ đạo hoạt động đánh giá hiện trạng sinh viên tốt nghiệp được thành lập theo Quyết định số 38/QĐ-ĐHKTCN ngày 29/4/2014 của Hiệu trưởng trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp.



- Hội đồng chuyên môn được thành lập theo Quyết định số 40/QĐ-ĐHKTCN ngày 29/4/2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp.

- Hội đồng thi tin học, Ngoại ngữ được thành lập theo Quyết định số 46/QĐ-ĐHKTCN ngày 02/6/2014 của Hiệu trưởng trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp.

- Hội đồng đánh giá và ban thư ký được thành lập theo Quyết định số 39/QĐ-ĐHKTCN ngày 29/4/2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp.

*** Danh sách Hội đồng đánh giá**

TT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ
1	TS. Trần Xuân Minh	Phó Hiệu trưởng	Chủ tịch HĐ
2	TS. Đỗ Trung Hải	Trưởng khoa Điện	Phó Chủ tịch HĐ
3	ThS. Nguyễn Ngọc Kiên	P. Trưởng khoa Điện	UV thường trực
4	TS. Đặng Danh Hoàng	P. Trưởng khoa Điện	Ủy viên
5	ThS. Nguyễn Tiến Dũng	P. Bí thư đoàn TN	Ủy viên
6	ThS. Nguyễn T. Thu Thủy	Trưởng BM Lý luận chính trị	Ủy viên
7	ThS. Dương Quốc Tuấn	P. Trưởng BM Tự động hóa	Ủy viên
8	TS. Nguyễn T. Thanh Nga	P. Trưởng BM Tự động hóa	Ủy viên
9	KS. Nguyễn Minh Tuấn	GD Nhà máy cán Thái Nguyên	UV- Nhà tuyển dụng
10	ThS. Nguyễn T. Việt Hương	Trưởng phòng Đào tạo Trường CĐ Công nghiệp TN	UV- Giảng viên ngoài

*** Ban thư ký**

TT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ
1	TS. Nguyễn T. Thanh Nga	P. Trưởng BM Tự động hóa	Trưởng ban
2	ThS. Trần Thị Thanh Hải	P. Trưởng BM Kỹ thuật điện	Ủy viên
3	ThS. Trương T. Quỳnh Như	GV BM Tự động hóa	Ủy viên

2.5 Công cụ đánh giá

Công cụ đánh giá:

- Về tin học: Một bài thi thực hành trên máy tính.
- Về ngoại ngữ: Một bài thi trắc nghiệm.
- Về kiến thức chuyên môn và nhận thức xã hội: Vấn đáp dựa trên các câu hỏi được xây dựng trước.

2.6. Phương pháp lượng giá

- Về tin học và ngoại ngữ: Sinh viên thi đề chung của Đại học Thái Nguyên dùng để đánh

giá sinh viên tốt nghiệp trong toàn Đại học.

- Về kiến thức chuyên môn và nhận thức xã hội: Sinh viên bốc thăm câu hỏi, chuẩn bị 30 phút, trả lời vấn đáp trước hội đồng chuyên môn về các nội dung câu hỏi bốc được.

2.7. Chỉ số đánh giá

- Về tin học và ngoại ngữ: Dựa trên thang điểm 10

- Về kiến thức chuyên môn và nhận thức xã hội: Dựa trên thang điểm 10 (trong đó phần kiến thức chuyên ngành đánh giá dựa trên thang điểm tối đa 6, phần kiến thức lý luận xã hội đánh giá dựa trên thang điểm tối đa 4)

Phần III: KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ

3.1. Đối tượng đánh giá

- Đối tượng đánh giá là sinh viên K45 - tốt nghiệp ngành Tự động hóa Xí nghiệp Công nghiệp năm 2014 - Khoa Điện Trường ĐHKTCN

- Số lượng: 50 sinh viên

3.2 Kết quả đánh giá

1. Đánh giá trình độ tin học

Số sinh viên yêu cầu tham gia theo dự kiến:	49	Tỉ lệ
Số sinh viên tham gia thực tế:	44	92%

Thang điểm (10)	Số lượng (SV)	Tỉ lệ (%)
Số sinh viên đạt điểm $\geq 8,5$	01/44	2,27%
Số sinh viên đạt điểm ≥ 7 và $< 8,5$	05/44	11,66%
Số sinh viên đạt điểm $\geq 5,5$ và < 7	08/44	18,18%
Số sinh viên đạt điểm ≥ 4 và $< 5,5$	14/44	31,82%
Số sinh viên đạt điểm < 4	16/44	36,36%

2. Đánh giá trình độ tiếng anh: kiến thức và kỹ năng

Số sinh viên yêu cầu tham gia theo dự kiến: 49

Số sinh viên tham gia thực tế: 44

Thang điểm (10)	Số lượng (SV)	Tỉ lệ (%)
Số sinh viên đạt điểm $\geq 8,5$	00/44	0%
Số sinh viên đạt điểm ≥ 7 và $< 8,5$	08/44	18,18%
Số sinh viên đạt điểm $\geq 5,5$ và < 7	14/44	31,82%
Số sinh viên đạt điểm ≥ 4 và $< 5,5$	14/44	31,82%
Số sinh viên đạt điểm < 4 :	08/44	18,18%

3. Kết quả đánh giá sinh viên, phân chính trị và chuyên môn

Số sinh viên yêu cầu tham gia theo dự kiến: 49

Số sinh viên tham gia thực tế: 45

Thang điểm (10)	Số lượng (SV)	Tỉ lệ (%)
Số sinh viên đạt điểm $\geq 8,5$	02/45	4,5%
Số sinh viên đạt điểm ≥ 7 và $< 8,5$	38/45	84,4%
Số sinh viên đạt điểm $\geq 5,5$ và < 7	05/45	11,1%
Số sinh viên đạt điểm ≥ 4 và $< 5,5$	0/45	0%
Số sinh viên đạt điểm < 4	0/45	0%

4. Kết quả học lực của sinh viên (chương trình 155TC)

Số sinh viên yêu cầu tham gia: 49

Thang điểm (4)	Số lượng (SV)	Tỉ lệ (%)
Số sinh viên đạt điểm $\geq 3,5$	00/49	0%
Số sinh viên đạt điểm ≥ 3.0 và $< 3,5$	05/49	10,2%
Số sinh viên đạt điểm $\geq 2,5$ và < 3	27/49	56,2%
Số sinh viên đạt điểm < 2	17/49	34,6%

Phần IV: THẢO LUẬN

4.1. Nội dung đánh giá

- Nội dung thảo luận của hội đồng đánh giá dựa vào kết quả về tin học, ngoại ngữ, kiến thức chuyên môn và nhận thức xã hội trên cơ sở kiến thức đã học.
- Nội dung thảo luận của hội đồng đánh giá dựa vào kết quả về tin học, ngoại ngữ, kiến thức chuyên môn và nhận thức xã hội trên cơ sở trình độ mặt bằng chung của sinh viên các trường cùng chuyên ngành.
- Nội dung thảo luận của hội đồng đánh giá dựa vào kết quả về tin học, ngoại ngữ, kiến thức chuyên môn và nhận thức xã hội trên cơ sở yêu cầu thực tế đòi hỏi trong công việc.

4.2. Công cụ và phương pháp lượng giá

* Công cụ thảo luận của hội đồng đánh giá về kết quả sinh viên qua các bài thi về các môn tin học, ngoại ngữ, kiến thức chuyên môn và nhận thức xã hội dựa trên cơ sở sau:

- Nội dung chương trình và kiến thức đã học của sinh viên
- Dựa trên cơ sở trình độ mặt bằng chung của sinh viên các trường cùng chuyên ngành.
- Dựa trên cơ sở yêu cầu thực tế đòi hỏi trong công việc.

* Phương pháp lượng giá

- Thảo luận đánh giá về tin học và ngoại ngữ dựa trên kết quả của sinh viên do Đại học Thái Nguyên đánh giá sinh viên tốt nghiệp trong toàn Đại học. *

- Thảo luận đánh giá về kiến thức chuyên môn và nhận thức xã hội dựa trên cơ sở kết quả đánh giá sinh viên của giảng viên, nhà tuyển dụng và giảng viên trường bạn từ đó đánh giá được toàn diện sinh viên vừa có kiến thức chuyên môn nghề nghiệp vừa đáp ứng được nhu cầu của xã hội.

4.3. Vai trò của Chuyên gia bên ngoài và Nhà tuyển dụng

Các nhà tuyển dụng có vai trò quan trọng trong hoạt động đánh giá, năng lực của sinh viên sau khi tốt nghiệp cần phải đáp ứng và phù hợp với nhu cầu lao động tại các doanh nghiệp, đây là điều mà các doanh nghiệp quan tâm hàng đầu trong việc xét tuyển lao động vào làm việc.

Trong quá trình đánh giá sinh viên vai trò của chuyên gia bên ngoài là hết sức quan trọng. Ngoài kiến thức chuyên môn thì chuyên gia ngoài trường yêu cầu sinh viên tốt nghiệp và đi làm cần có những kỹ năng như: khả năng làm việc theo nhóm, kỹ năng giao tiếp, thích ứng với môi trường làm việc có thể có biến động, kỹ năng giải quyết vấn đề, biết quản lý và sắp xếp thời gian biểu... Đây là những kỹ năng mà tự mỗi sinh viên phải có được trước khi đi làm.

Các nhà tuyển dụng cho rằng hoạt động đánh giá chất lượng sinh viên sau khi tốt nghiệp là cần thiết, hữu ích, việc đánh giá giúp cho nhà tuyển dụng có nhiều cơ hội tiếp xúc với sinh viên tốt nghiệp, cũng như có các ý kiến đánh giá chính xác về năng lực của sinh viên, qua đó nhà trường có cơ sở điều chỉnh chương trình đào tạo phù hợp với nhu cầu thị trường lao động trong nước. Qua sự đánh giá của nhà tuyển dụng và chuyên gia bên ngoài mới thấy được hầu hết sinh viên là thiếu và yếu những kỹ năng này. Qua việc này giúp chúng ta hiểu được điểm yếu của sinh viên để bổ sung vào trong quá trình giảng dạy.

4.4. Quá trình triển khai hoạt động đánh giá

Nhà trường thông báo và triển khai rộng rãi hoạt động này đến cho toàn thể giáo viên và sinh viên nắm cuối hiểu và nắm được ý nghĩa của hoạt động đánh giá hiện trạng sinh viên tốt nghiệp.

4.5. Kết quả đánh giá

Căn cứ vào điểm số sinh viên đạt được cho thấy kết quả đánh giá sinh viên về phần chuyên môn tương đối tốt và được chuyên gia ngoài trường đánh giá cao. Sinh viên có khả năng tiếp cận công việc ngay sau khi tốt nghiệp. Phần ngoại ngữ tin học chưa cao, sinh viên chưa thực sự tập trung vào học các môn học này. Lý do việc sinh viên chưa có kết quả cao về ngoại ngữ và tin học phản ánh là sinh viên chưa được thực hành về tin học và ngoại ngữ nhiều. Sinh viên vẫn chưa hiểu đúng tầm quan trọng của ngoại ngữ và tin học đối với sự thành công trong quá trình tìm kiếm việc làm cũng như tự khẳng định bản thân trong công việc.

Phần V: KIẾN NGHỊ

5.1. Với Đại học Thái Nguyên

Đại học cần tổ chức các lớp tập huấn để có thể triển khai đánh giá có hiệu quả hơn. Thời gian Đại học Thái Nguyên triển khai đến trường thành viên tương đối gấp và có nhiều nội dung, nên trong quá trình đánh giá đôi lúc còn gặp khó khăn. Đối với các sinh viên không thể tham gia, Đại học nên trao quyền cho các trường tự điều chỉnh sinh viên thay thế cho các sinh viên vắng mặt để đảm bảo về số lượng sinh viên tham gia.

5.2. Với Cơ sở đào tạo

Vì triển khai việc đánh giá chương trình đào tạo ngành Tự động hóa xí nghiệp công nghiệp lần đầu tiên được thực hiện và trong thời gian ngắn nên hội đồng đánh giá chưa họp được nhiều và công tác chuẩn bị vẫn còn nhiều điểm cần kỹ lưỡng hơn. Việc đánh giá này là hết sức cần thiết nên Đại học Thái nguyên và nhà trường cần có kế hoạch thực hiện thường xuyên vào đầu các năm học nhằm đạt được các mục tiêu đề ra.

Thông báo cho sinh viên ngay từ đầu khóa học về việc đánh giá chương trình đào tạo đặc biệt là chuẩn đầu ra đối với tin học và ngoại ngữ để các em thấy được tầm quan trọng của việc học tập và rèn luyện thường xuyên trong suốt quá trình học.

5.3. Với chương trình đào tạo ngành Tự động hóa xí nghiệp công nghiệp

Chương trình đào tạo ngành Tự động hóa xí nghiệp công nghiệp đã được các em sinh viên tốt nghiệp đánh giá là tốt. Thông qua việc đánh giá ở đây, hội đồng đánh giá mới chỉ dừng lại ở việc kiểm tra kiến thức và kỹ năng mang tính lý thuyết, chưa đi sâu vào các tình huống thực tế nghề nghiệp và thuyết trình các phương án hay quy trình. Để khắc phục yếu kém của sinh viên về ngoại ngữ và tin học có thể thực hiện bằng cách sử dụng nguyên một học kỳ trong năm học đầu tiên để sinh viên tập trung học tin học và ngoại ngữ trong chương trình đào tạo, ngoài ra trong quá trình học các môn cơ sở ngành và chuyên ngành cần lồng ghép ngoại ngữ, tin học vào trong chương trình và quá trình giảng dạy.

Nơi nhận:

- Ban TT,KT&ĐBCLGD-ĐHTN;
- BGH (để báo cáo);
- Khoa Điện;
- Lưu VT; TT,KT&ĐBCLGD.

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Vũ Ngọc Pi

ĐIỂM TỔNG HỢP THI ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG SINH VIÊN TỐT NGHIỆP NĂM 2014

Chuyên ngành: Tự động hóa Xí nghiệp Công nghiệp

(Kèm theo báo cáo số: 15/BC-DHKTCTN ngày 28 tháng 7 năm 2014 của Hiệu trưởng trường DHKTCTN)

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm TB toàn khóa	Điểm Ngoại ngữ	Điểm tin học	Điểm chuyên môn	Điểm tổng hợp	Ghi Chú
1	Phạm Văn Bắc	22/12/90	2.61	3	4.75	7	4.92	
2	Lê Văn Danh	14/06/90	2.08	4.5	3.25	6	4.58	
3	Dương Văn Dũng	24/07/91	2.10	4.25		6	3.42	
4	Đào Chí Dũng	3/4/1990	2.71	6.5	7.75	8	7.42	
5	Phạm Anh Dũng	21/08/91	2.26	8	6.5	8	7.50	
6	Vương Văn Đăng	5/12/1991	2.97	5.75	1	8	4.92	
7	Phạm Quang Điện	27/02/91	3.03	5.25	6.25	8	6.50	
8	Trần Anh Đức	18/12/91	3.03	8	8	9	8.33	
9	Nguyễn Thị Hà	9/2/1991	2.84	4.75	7.25	7.5	6.50	
10	Nguyễn Thị Hà	5/5/1991	3.08	6.25	4.5	8.5	6.42	
11	Nguyễn Thanh Hải	21/04/91	2.15	6	4	7.5	5.83	
12	Lê Văn Hào	3/10/1990	2.99	6.5	5.75	8	6.75	
13	Nguyễn Văn Hiếu	24/03/90	2.22	7.75	1.75	7	5.50	
14	Ngô Văn Hiệp	22/07/91	2.24	5.5	2.5	7	5.00	
15	Bùi Thanh Huy	15/07/91	2.85	7.25	7.25	8	7.50	
16	Lê Duy Hưng	28/05/90	2.64				0.00	Vắng
17	Trần Văn Khanh	2/2/1989	2.66	4	4.25	7	5.08	
18	Tạ Văn Khải	30/12/90	2.10	4.5	4.75	8	5.75	
19	Nguyễn Khởi	24/10/91	2.89	7.25	8.5	7	7.58	
20	La Thị Lâm	19/05/91	2.88	5.25	1	8	4.75	
21	Vũ Ngọc Linh	29/10/91	2.17	5.5	3	6	4.83	
22	Nguyễn Đăng Long	15/05/91	2.90				0.00	Vắng
23	Chu Văn Mạnh	10/10/1991	2.59	5	5	6	5.33	
24	Đặng Tuấn Nam	11/4/1991	3.05	6.5	5.75	8	6.75	
25	Nguyễn Hữu Năng	23/12/90	2.25	3.75	2.75	7	4.50	
26	Phùng Thị Nguyên	10/11/1991	3.06	8	5.25	8	7.08	
27	Chu Thị Nhân	3/8/1991	2.91	5.75	5.25	8	6.33	
28	Trần Minh Nhật	29/08/90	2.05				0.00	Vắng
29	Nguyễn Văn Phong	1/11/1991	2.54	3.25	3	8	4.75	
30	Võ Quốc Phòng	26/04/91	2.14	3.75	4.5	6	4.75	
31	Nguyễn Văn Quý	20/07/91	2.25	5.5	5	7	5.83	
32	Đoàn Minh Thành	2/11/1991	2.33	5.5	5.25	7	5.92	
33	Đỗ Văn Thành	7/2/1991	2.85	6.75	4	8	6.25	
34	Nguyễn Hữu Thành	10/12/1991	2.71				0.00	Vắng
35	Trần Đức Thông	24/08/90	2.70	2.75	3	7	4.25	
36	Lê Minh Thuận	18/12/91	2.08	3.5	5.5	8	5.67	
37	Phùng Văn Tiến	19/09/91	2.81	5	6.75	8	6.58	
38	Đào Thị Đoàn Trang	30/11/91	2.61	5.25	3.5	7	5.25	
39	Lê Hữu Trình	25/03/91	2.13	3.75	6.25	7	5.67	
40	Trần Đình Trình	29/01/91	2.30	5.25	3.25	7	5.17	
41	Lưu Thị Tươi	4/9/1991	2.65	7	1	7	5.00	
42	Trịnh Xuân Tương	15/02/90	2.03	2.75	2.5	7	4.08	
43	Trần Văn Việt	1/9/1991	2.22	4.5	5.5	7	5.67	
44	Nguyễn Thị Hà Xuyên	2/7/1990	2.99	4	3.25	8	5.08	
45	Thanh Trúc	24/9/91	2.79		1	7.5	2.83	
46	Lê Văn Hưng	15/06/91	2.86	6	4	7	5.67	
47	Ngô Minh Hoàng	29/7/91	2.88	6	8	7.5	7.17	
48	Đỗ Ngọc Bảo	20/8/91	2.87	4.5	3.5	7.5	5.17	
49	Đồng Thị Lan	23/2/91	2.88	7.5	5.25	7	6.58	